SAO Y; VĂN PHÒNG, ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG; 10/02/2026; 16:13:26 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 11 /2026/QĐ-UBND	*Hải Phòng, ngày 10 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 2 năm 2025 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 151/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an thành phố Hải Phòng tại Tờ trình số 906/TTr-CAHP-CSGT ngày 02/02/2026;

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định về việc ban hành Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 02 năm 2026 và thay thế Quyết định số 05/2025/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- VPCP, Bộ Tư pháp;
- Bộ Công an, Bộ Xây dựng;
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Đoàn ĐBQH TP HP;
- VP TU, VP Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Sở Tư pháp;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Hải Phòng;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Công báo thành phố;
- Lưu: VT, L.Thụy.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Anh Quân

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Chi tiết thi hành một số điều của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 11 /2026/QĐ-UBND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15, bao gồm:

a) Khoản 6 Điều 35 về phạm vi hoạt động của xe thô sơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ tại địa phương;

b) Khoản 4 Điều 44 về thời gian hoạt động của xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời;

c) Khoản 5 Điều 44 về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị;

d) Khoản 2 Điều 47 về sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn địa phương;

đ) Khoản 2 Điều 48 về thời gian, phạm vi hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và hoạt động vận chuyển hàng hóa bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ tại địa phương.

2. Những nội dung không được đề cập tại Quy định này được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến các hoạt động trên địa bàn thành phố Hải Phòng, gồm:

1. Phạm vi hoạt động của xe thô sơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ.

2. Thời gian hoạt động của xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời.

3. Hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị.

4. Sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa.

5. Thời gian, phạm vi hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và hoạt động vận chuyển hàng hóa bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Xe vệ sinh môi trường bao gồm các loại xe có chức năng chính như xe cuốn ép rác, xe chở rác thùng rời, xe phun nước rửa đường, xe hút chất thải, xe quét rác (có thể kết hợp hút bụi), xe vệ sinh lan can đường, xe thu gom rác đẩy tay và các xe có chức năng tương tự các xe nêu trên.

2. Giờ cao điểm sáng từ 06 giờ 00 phút đến 08 giờ 00 phút, trưa từ 11 giờ 30 phút đến 12 giờ 30 phút, chiều từ 16 giờ 30 phút đến 18 giờ 30 phút hàng ngày.

3. Giờ ban đêm: Từ 22 giờ 00 phút hôm trước đến 06 giờ 00 phút ngày hôm sau.

4. Khu vực trung tâm thành phố:

a) Khu vực 1: Khu vực được bao bằng các tuyến đường Hùng Vương (từ nút giao với đường Tôn Đức Thắng), Bạch Đằng, Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu, Lê Thánh Tông, Chùa Vẽ, Đình Vũ, Đặng Kinh, Bùi Viện, Nguyễn Trường Tộ (đoạn đến nút giao cầu Lãm Khê), Trường Chinh, Nguyễn Văn Linh, Tôn Đức Thắng đi qua địa bàn các phường: Hồng Bàng, Hồng An, Ngô Quyền, Gia Viên, Đông Hải, Hải An, Lê Chân, An Biên, Kiến An, An Hải;

b) Khu vực 2: Khu vực được bao bằng các tuyến đường: Võ Nguyên Giáp (từ cầu Lộ Cương qua sông Bắc Hưng Hải), đường gom An Định, Thanh Niên, Lê Thanh Nghị (đến đoạn nút giao với đường Ngô Quyền) và sông Bắc Hưng Hải đi qua địa bàn các phường: Tứ Minh, Thành Đông, Hải Dương, Lê Thanh Nghị, Thạch Khôi.

5. Hạn chế lưu thông: Là một số tuyến đường hạn chế về thời gian, tải trọng đối với một số loại phương tiện nhất định không được lưu thông.

6. Cơ quan quản lý đường bộ là Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố về quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ và thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

7. Ủy ban nhân dân cấp xã gồm Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu.

8. Khối lượng hàng hóa chuyên chở: Khối lượng hàng chuyên chở cho phép xác định theo Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

9. Xe ô tô chở hàng, ô tô tải: Được quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 53/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Phạm vi hoạt động của xe thô sơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ.

1. Phạm vi hoạt động của xe thô sơ:

a) Xe đạp, xe đạp máy và các loại xe tương tự: Được phép hoạt động trên tất cả các tuyến đường bộ, trừ đường bộ cao tốc và các tuyến đường, tuyến phố có biển cấm;

b) Xe xích lô, xe vật nuôi kéo không được hoạt động trên đường phố.

2. Xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ được hoạt động trên các tuyến đường đô thị; đường hai chiều, đường một chiều có một làn xe cơ giới trong khu vực đông dân cư (trừ các tuyến đường, tuyến phố có biển cấm).

3. Xe chở người bốn bánh có gắn động cơ chỉ được hoạt động trong phạm vi các tuyến đường nội bộ khu công nghiệp, cụm công nghiệp, nhà máy, xí nghiệp, trong khu du lịch, điểm du lịch, khu di tích, điểm di tích, khu thể thao, khu công trình công cộng hay thương mại. Riêng tại các đặc khu, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ được phép hoạt động trên các tuyến đường (trừ quốc lộ) do Ủy ban nhân dân đặc khu xác định cụ thể.

Điều 5. Thời gian hoạt động của xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời trong đô thị

1. Xe vệ sinh môi trường không giới hạn thời gian hoạt động.

2. Xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời trong đô thị được phép hoạt động trên đường đô thị vào các khung giờ quy định tại khoản 3 Điều 3 Quy định này.

Điều 6. Hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị

1. Xe ô tô chở hàng:

a) Xe ô tô chở hàng: Hạn chế lưu thông trên đường đô thị vào các khung giờ quy định tại khoản 2, 3 Điều 3 Quy định này (trừ các trường hợp quy định tại điểm b khoản này);

b) Xe ô tô chở hàng có khối lượng hàng hóa chuyên chở đến 1,5 tấn: Chỉ được phép hoạt động trên các tuyến đường giới hạn trong khu vực trung tâm thành phố từ 20 giờ 00 phút đến 06 giờ 00 phút sáng hôm sau.

2. Xe ô tô vận chuyển hành khách: Hạn chế lưu thông trên đường đô thị vào các khung giờ quy định tại khoản 2, 3 Điều 3 Quy định này.

3. Các loại xe ô tô vận chuyển hành khách được phép lưu thông vào các tuyến đường cấm xe ô tô vận chuyển hành khách:

a) Các xe ưu tiên hoạt động theo quy định của pháp luật;

b) Xe buýt hoạt động theo thời gian và lộ trình được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

c) Xe ô tô có biển hiệu du lịch;

d) Xe ô tô chở trẻ em mầm non, học sinh.

4. Các loại xe ô tô tải được phép lưu thông vào các tuyến đường cấm xe ô tô tải:

a) Các xe ưu tiên hoạt động theo quy định của pháp luật;

b) Xe ô tô tải của lực lượng tuần tra kiểm soát, lực lượng làm nhiệm vụ quản lý trật tự đô thị khi làm nhiệm vụ;

c) Các loại xe ô tô tải phục vụ công tác khắc phục sự cố khẩn cấp các công trình đường bộ, cấp nước, cấp điện, thoát nước, cây xanh, điện chiếu sáng, thông tin liên lạc;

d) Xe vệ sinh môi trường.

5. Các loại xe ô tô tải được phép lưu thông vào các tuyến đường cấm xe ô tô tải trong thành phố trừ các giờ cao điểm:

a) Xe ô tô tải làm nhiệm vụ chăm sóc cây xanh, xe và máy chuyên dùng sửa chữa công trình đường bộ, xe nâng đưa người làm việc trên cao;

b) Xe ô tô tải vận chuyển bưu phẩm, bưu kiện, báo chí bằng đường bộ; xe chở tiền, vàng bạc, ngoại tệ của doanh nghiệp có khối lượng hàng hóa chuyên chở đến 2,0 tấn;

c) Xe ô tô tải phục vụ cho việc sửa chữa công trình điện của ngành điện, các đơn vị có chức năng truyền tải, phân phối điện năng có khối lượng hàng hóa chuyên chở đến 2,0 tấn;

d) Xe ô tô tải phục vụ cho việc sửa chữa hệ thống thông tin liên lạc của các đơn vị có chức năng kinh doanh viễn thông và mạng thông tin trên địa bàn thành phố có khối lượng hàng hóa chuyên chở đến 2,0 tấn;

e) Xe ô tô tải phục vụ cho việc sửa chữa điện chiếu sáng công cộng, cấp nước, thoát nước có khối lượng hàng hóa chuyên chở đến 2,0 tấn.

Điều 7. Tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị

Đơn vị đăng ký tham gia khai thác vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố phải có số phương tiện đăng ký hoạt động trên tuyến có chỗ ngồi dành riêng cho người khuyết tật, có lắp đặt thiết bị hỗ trợ đáp ứng nhu cầu đi lại của người khuyết tật theo tỷ lệ tối thiểu như sau:

1. Đến 31/12/2026: 5% trên tổng số phương tiện đăng ký hoạt động theo tuyến.

2. Đến 31/12/2027: 6% trên tổng số phương tiện đăng ký hoạt động theo tuyến.

3. Đến 31/12/2028: 7% trên tổng số phương tiện đăng ký hoạt động theo tuyến.

4. Đến 31/12/2029: 8% trên tổng số phương tiện đăng ký hoạt động theo tuyến.

5. Đến 31/12/2030: 10% trên tổng số phương tiện đăng ký hoạt động theo tuyến.

Điều 8. Sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa

1. Xe mô tô, xe gắn máy kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa được phép hoạt động trên tất cả các tuyến đường bộ, trừ đường bộ cao tốc và các tuyến đường, tuyến phố có biển báo cấm.

2. Tổ chức, cá nhân khi kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe thô sơ phải bảo đảm điều kiện hoạt động theo quy định tại Điều 26 Nghị định 151/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, quy định của pháp luật khác có liên quan và quy định sau:

a) Hoạt động trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này. Không được sử dụng xe lăn dùng cho người khuyết tật để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa. Xe đạp, xe vật nuôi kéo chỉ kinh doanh vận chuyển hàng hóa;

b) Tổ chức, cá nhân trước khi kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe thô sơ có trách nhiệm thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Điều 9. Thời gian, phạm vi hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và hoạt động vận chuyển hàng hóa bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ

1. Hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ chỉ được thực hiện trong phạm vi các tuyến đường theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Quy định này. Thời gian hoạt động do Ủy ban nhân dân cấp xã quy định.

2. Hoạt động vận chuyển hàng hóa bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ không giới hạn thời gian trong ngày trên các tuyến đường quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Công an thành phố

1. Chỉ đạo các lực lượng trực thuộc thực hiện nhiệm vụ chỉ huy, điều khiển giao thông theo Quy định này.

2. Hướng dẫn các phương tiện giao thông lưu thông vào các tuyến đường hạn chế phương tiện quy định tại Điều 6 Quy định này bảo đảm an toàn giao thông và quy định hiện hành.

Điều 11. Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Cơ quan quản lý đường bộ đối với các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Quy định này./.